



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Thừa Thiên Huế

Số 25

Ngày 25 tháng 5 năm 2019

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Trang

16-5-2019	Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	03
20-5-2019	Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	06
20-5-2019	Quyết định số 24/2019/QĐ-UBND ban hành Quy chế mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	08

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

10-5-2019	Quyết định số 1156/QĐ-UBND về việc phê duyệt tổ chức bộ máy của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế.	14
-----------	--	----

13-5-2019	Quyết định số 1162/QĐ-UBND ban hành danh mục sản phẩm chủ lực tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2019 - 2020 và giải pháp hỗ trợ phát triển sản phẩm chủ lực trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	18
16-5-2019	Quyết định số 1197/QĐ-UBND về việc quy định mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế.	28
16-5-2019	Quyết định số 1198/QĐ-UBND về việc quy định khung lãi suất cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế.	30

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2019/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 16 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 04 tháng 8 năm 2007; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 23 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Tiếp công dân ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26 tháng 02 năm 2007 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về Quy tắc ứng xử của

cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ tại Khoản 3, Khoản 4 của Điều 6 như sau:

“3. Không được đánh bạc, sa vào các tệ nạn xã hội hoặc các hành vi khác trái với quy định pháp luật dưới mọi hình thức; không được sử dụng rượu, bia, đồ uống có cồn trong thời gian làm việc, giờ nghỉ trưa và ngày trực; không hút thuốc lá đúng nơi quy định.”

“4. Không đeo tai nghe, bật nhạc, nghe nhạc, xem phim, chơi điện tử và các thiết bị giải trí cá nhân trong giờ làm việc; không truy cập các trang mạng có nội dung không liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ; không sử dụng mạng xã hội để khai thác, tuyên truyền các thông tin chưa được kiểm chứng, phiến diện, một chiều, vi phạm thuần phong mỹ tục và ảnh hưởng đến hoạt động công vụ.”

2. Sửa đổi Điểm a, Khoản 1 của Điều 7 như sau:

“a) Phải tôn trọng, lắng nghe, tận tình hướng dẫn về quy trình xử lý công việc và giải thích cặn kẽ những thắc mắc của người dân. Thực hiện “4 xin, 4 luôn”: Xin chào, xin lỗi, xin cảm ơn, xin phép; luôn mỉm cười, luôn nhẹ nhàng, luôn lắng nghe, luôn giúp đỡ.”

3. Sửa đổi khổ văn thứ nhất Điểm a Khoản 2 của Điều 7 như sau:

“- Phải có thái độ lịch sự, tôn trọng cấp trên, tuân thủ thứ bậc hành chính, phục tùng sự chỉ đạo, điều hành, phân công công việc của cấp trên; không trốn tránh, thoái thác nhiệm vụ; không nịnh bợ lấy lòng vì động cơ không trong sáng.”

4. Sửa đổi khổ văn thứ nhất Điểm b Khoản 2 của Điều 7 như sau:

“- Không được duy ý chí, áp đặt, bảo thủ; phải tôn trọng, lắng nghe ý kiến của cấp dưới; gương mẫu trong giao tiếp, ứng xử.”

5. Sửa đổi khổ văn thứ nhất Điểm c Khoản 2 của Điều 7 như sau:

“- Có tinh thần hợp tác, tương trợ trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ; chân thành, thân thiện và đoàn kết, không bè phái gây mất đoàn kết nội bộ của cơ quan, tổ chức; ứng xử có văn hóa, tôn trọng và bảo vệ danh dự, uy tín của đồng nghiệp.”

6. Sửa đổi Điểm a, b Khoản 3 Điều 7 như sau:

“a) Phải xưng tên, chức danh, chức vụ, cơ quan, đơn vị nơi công tác; trao đổi ngắn gọn, tập trung vào nội dung công việc; thái độ lịch sự, không ngắt điện thoại đột ngột.”

“b) Phải thường xuyên sử dụng hộp thư điện tử công vụ để trao đổi công việc và luân chuyển tập tin văn bản qua mạng. Hộp thư điện tử phải được công khai để thuận tiện cho việc trao đổi thông tin liên lạc trong công việc và tiếp nhận thông tin, trả lời công dân. Việc gửi, trả lời thư điện tử công vụ kịp thời và lịch sự. Không được sử dụng các hệ thống thư điện tử ngoài hệ thống thư điện tử công vụ để trao đổi công vụ.”

7. Sửa đổi Khoản 1 Điều 8 như sau:

“1. Công chức phải tuân thủ kỷ cương và trật tự hành chính, chấp hành quyết định của cấp quản lý trực tiếp; phối hợp với công chức khác trong cùng cơ quan, đơn vị và công chức các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác có liên quan để thực hiện nhiệm vụ có hiệu quả. Trường hợp có quyết định của cấp trên cấp quản lý trực tiếp thì công chức phải thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền cao nhất; đồng thời, có trách nhiệm báo cáo cấp quản lý trực tiếp của mình về việc thực hiện quyết định đó.”

8. Sửa đổi nội dung Khoản 2 Điều 9 như sau:

“2. Thực hiện hướng dẫn, tiếp nhận, xử lý và trả kết quả hồ sơ yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Hành chính công cấp huyện, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã; đảm bảo nhận đúng, đủ thành phần hồ sơ theo quy định; nghiêm cấm công chức yêu cầu cá nhân, tổ chức cung cấp, bổ sung giấy tờ ngoài thành phần hồ sơ đã công khai.”

9. Bổ sung thêm Khoản 8 Điều 9 như sau:

“8. Không được gây khó khăn, phiền hà, vôi vãnh, kéo dài thời gian xử lý công việc của cơ quan, tổ chức và người dân; không thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm trước những khó khăn, bức xúc của người dân.”

10. Sửa đổi nội dung Điều 14 như sau:

“Việc đánh giá mức độ hài lòng của công dân, tổ chức thông qua Phiếu đánh giá bằng giấy hoặc Hệ thống đánh giá mức độ hài lòng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Hành chính công cấp huyện, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã. Đây là cơ sở để xem xét đánh giá và xếp loại công chức hàng tháng, hàng quý và hàng năm.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Ngọc Thọ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2019/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 20 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 521/STC-QLGCS ngày 04 tháng 3 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục tài sản mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, bao gồm: Máy vi tính để bàn và máy vi tính xách tay nguyên bộ sử dụng thường xuyên, phổ biến trong các cơ quan, đơn vị.

Điều 2. Danh mục tài sản mua sắm tập trung quy định tại Điều 1 Quyết định này được áp dụng đối với các đơn vị dự toán được cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí trong dự toán đầu năm từ 50.000.000 đồng trở lên để mua sắm.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm tổ chức, kiểm tra và hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị triển khai thực hiện theo đúng quy định tại Quyết định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu phát sinh vướng mắc; các cơ quan, đơn vị, tổ chức phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2019 và thay thế Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục tài sản mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban ngành đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Ngọc Thọ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2019/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 20 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 521/STC-QLGCS ngày 04 tháng 3 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy chế mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế*”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2019 và thay thế Quyết định số 70/2016/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban ngành đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Ngọc Thọ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 24/2019/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung.
2. Trường hợp nhu cầu mua sắm cấp thiết để phục vụ công tác mà không thể chờ mua sắm tập trung thì phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý bằng văn bản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.
2. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến quản lý việc mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc trong mua sắm tập trung

1. Việc mua sắm phải tuân thủ tiêu chuẩn, định mức, chế độ, danh mục tài sản mua sắm tập trung do cơ quan có thẩm quyền ban hành và công bố.
2. Thực hiện mua sắm trong phạm vi dự toán được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng, bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm và có hiệu quả.
3. Bảo đảm tính đồng bộ, hiện đại, phù hợp với yêu cầu, nội dung hoạt động và quá trình cải cách hành chính nhà nước, cải cách tài chính công.
4. Việc mua sắm tập trung phải được thực hiện thông qua đơn vị mua sắm tập trung.
5. Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 4. Nguồn kinh phí mua sắm

Nguồn kinh phí mua sắm tập trung được thực hiện theo quy định tại Điều 70 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 5. Cách thức thực hiện mua sắm tập trung

Thực hiện theo quy định tại Điều 71 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 6. Danh mục tài sản mua sắm tập trung

Thực hiện theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 7. Đơn vị mua sắm tập trung

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Tổ mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh gồm đại diện các đơn vị: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giáo dục và Đào tạo và các ngành có liên quan; đại diện lãnh đạo Sở Tài chính làm Tổ trưởng. Giao trách nhiệm cho Giám đốc Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Tổ mua sắm tập trung cấp tỉnh theo quy định hiện hành.

Điều 8. Thực hiện mua sắm tập trung

1. Quy trình thực hiện mua sắm tập trung: Thực hiện theo quy định tại Điều 72 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Nội dung chi tiết việc thực hiện tổ chức mua sắm theo quy định tại Điều 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80, 81 và Điều 82 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 9. Quản lý thu, chi liên quan đến mua sắm tập trung

Thực hiện theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 10. Thời gian và kế hoạch thực hiện

1. Việc mua sắm tài sản tập trung trên địa bàn tỉnh mỗi năm phân thành 2 đợt:

a) Đợt 1: Tháng 4.

b) Đợt 2: Tháng 10.

2. Căn cứ thông báo dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao, đơn vị sử dụng tài sản có trách nhiệm lập văn bản đăng ký mua sắm tập trung gửi cơ quan quản lý trực tiếp cấp trên để tổng hợp gửi Tổ mua sắm tập trung của tỉnh (Sở Tài chính) trước ngày 28/02 đối với đợt 1 và trước 31/8 đối với đợt 2.

3. Trường hợp quá thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này mà cơ quan, tổ chức, đơn vị không gửi nhu cầu mua sắm tập trung đối với danh mục tài sản mua sắm tập trung thì không được phép mua sắm tài sản đó.

Trường hợp phát sinh nhu cầu mua sắm tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung ngoài dự toán được giao đầu năm và đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt bổ sung dự toán mua sắm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao đơn vị mua sắm tập trung căn cứ thỏa thuận khung đã ký (nếu có), quy định của pháp luật về đấu thầu để áp dụng hình thức mua sắm phù hợp hoặc giao cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu về tài sản tổ chức thực hiện mua sắm.

Điều 11. Lựa chọn tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp trong mua sắm tập trung

1. Tổ mua sắm tập trung thực hiện tổ chức lựa chọn nhà thầu hoặc thuê tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp để tiến hành lựa chọn nhà thầu cung cấp tài sản. Việc lựa chọn tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Hợp đồng thuê tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp trong mua sắm tập trung thực hiện theo Điều 76 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Chương II**TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐỐI VỚI VIỆC THỰC HIỆN MUA SẮM TẬP TRUNG****Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tài chính trong mua sắm tập trung**

Sở Tài chính là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh cùng với Tổ mua sắm tập trung thực hiện một số nội dung có liên quan đến việc mua sắm tập trung tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong mua sắm tập trung.

2. Phối hợp với Kho bạc nhà nước và các đơn vị liên quan thực hiện kiểm soát chi đối với mua sắm tập trung từ nguồn ngân sách nhà nước; không thanh toán các khoản kinh phí mua sắm tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung nhưng không thực hiện mua sắm tập trung hoặc hợp đồng mua sắm tài sản không phù hợp với thỏa thuận khung và quy định của pháp luật.

3. Thực hiện bố trí kinh phí, hướng dẫn quản lý, sử dụng các khoản thu, chi liên quan đến việc mua sắm tập trung cho Tổ mua sắm tập trung theo quy định của pháp luật.

4. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các chế độ, chính sách và hướng dẫn thực hiện việc mua sắm tập trung theo yêu cầu của Bộ Tài chính trên địa bàn.

5. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong lĩnh vực mua sắm tập trung theo thẩm quyền.

6. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện các cơ chế, chính sách của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính về mua sắm tập trung trên địa bàn.

7. Thực hiện chế độ báo cáo theo đúng quy định.

Điều 13. Trách nhiệm của Tổ mua sắm tập trung

1. Thực hiện việc tiếp nhận và tổng hợp nhu cầu mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh.

2. Tiến hành việc rà soát và kiểm tra đối chiếu với các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ quản lý sử dụng tài sản để tổ chức thực hiện việc mua sắm tập trung.

3. Lập kế hoạch đấu thầu gửi Sở Tài chính thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và triển khai các thủ tục về lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

4. Tổ chức thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

5. Trực tiếp ký thỏa thuận khung với nhà thầu được lựa chọn.

6. Thông báo kết quả ký thỏa thuận khung và nhà thầu được lựa chọn cho các đơn vị có nhu cầu mua sắm biết để thực hiện ký kết hợp đồng và tiến hành các thủ tục bàn giao, tiếp nhận tài sản, thanh quyết toán, bảo hành, bảo trì tài sản đối với nhà thầu cung ứng.

7. Theo dõi, giám sát việc quản lý, tiếp nhận và bàn giao tài sản cho các đơn vị trực tiếp sử dụng; tiếp nhận, xử lý thông tin phản hồi từ các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

8. Thực hiện công khai các nội dung theo quy định của Luật đấu thầu trong mua sắm tập trung.

9. Báo cáo tình hình thực hiện việc mua sắm tập trung định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh.

10. Chịu trách nhiệm về quy trình và nội dung thực hiện mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh, trường hợp có vướng mắc báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Giám đốc các Sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế đối với việc thực hiện mua sắm tập trung

1. Rà soát danh mục tài sản mua sắm tập trung tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của mình.

2. Tập hợp nhu cầu và danh mục tài sản của các đơn vị cấp dưới thuộc phạm vi quản lý gửi Tổ mua sắm tập trung để thực hiện mua sắm tập trung theo quy định, phù hợp với dự toán đã được phê duyệt.

3. Tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách quản lý tài sản mua sắm và các quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành về mua sắm tập trung trong phạm vi quản lý của ngành, lĩnh vực.

4. Phối hợp với Tổ mua sắm tập trung tiến hành thực hiện việc mua sắm tập trung theo đúng quy định.

5. Phối hợp với Sở Tài chính tham gia công tác kiểm tra, giám sát quy trình và kết quả thực hiện mua sắm tập trung trong phạm vi quản lý, phối hợp tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố và bổ sung danh mục tài sản mua sắm tập trung.

6. Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản trong phạm vi lĩnh vực quản lý, đồng thời theo dõi, giám sát quy trình và quản lý, sử dụng tài sản mua sắm tập trung.

7. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc thực hiện đúng quy định về mua sắm tập trung.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có nhu cầu mua sắm tài sản tập trung

1. Đề xuất nhu cầu mua sắm tập trung tại cơ quan, đơn vị mình trên cơ sở căn cứ tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng tài sản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, nhu cầu và hiện trạng sử dụng tài sản.

2. Lập dự toán ngân sách hàng năm, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; trong đó xác định cụ thể chủng loại, số lượng, dự toán kinh phí mua sắm tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung.

3. Phối hợp với Tổ mua sắm tập trung và các đơn vị liên quan thực hiện mua sắm tập trung theo đúng quy trình và quy định tại Quyết định này.

4. Trực tiếp thanh toán, tiếp nhận tài sản, quyết toán, thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản và thực hiện việc bảo hành, bảo trì tài sản với bên nhà thầu.

5. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất số lượng tài sản đã được cung cấp và số lượng kế hoạch chưa được thực hiện (nếu có) cho Tổ mua sắm tập trung của tỉnh để thực hiện việc giám sát.

6. Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của luật quản lý và sử dụng tài sản đồng thời hạch toán tài sản theo đúng chế độ kế toán hiện hành.

Chương III**TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 16. Tổ chức thực hiện**

1. Giám đốc Sở Tài chính, Tổ trưởng tổ mua sắm tập trung, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện đúng Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Ngọc Thọ

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1156/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 10 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phê duyệt tổ chức bộ máy
của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tổ chức bộ máy của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là Quỹ) như sau:

1. Hội đồng quản lý Quỹ gồm có:

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiêm nhiệm;

b) 01 Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý kiêm Giám đốc Quỹ chuyên trách;

c) 03 thành viên Hội đồng quản lý kiêm nhiệm: Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư và Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Ban kiểm soát Quỹ có không quá ba (03) thành viên kiêm nhiệm (không chuyên trách) gồm: 01 Trưởng ban và không quá hai (02) thành viên được cử từ Sở Tài chính, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Bộ máy điều hành bao gồm: Ban Giám đốc (Giám đốc và các Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và các Phòng nghiệp vụ.

a) Ban Giám đốc gồm Giám đốc và không quá hai (02) Phó Giám đốc.

- Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, trực tiếp điều hành hoạt động hàng ngày của Quỹ theo chiến lược, mục tiêu, kế hoạch của Quỹ, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Quỹ và các nghị quyết, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Quỹ.

- Phó Giám đốc có nhiệm vụ tham mưu giúp Giám đốc trong việc điều hành Quỹ, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn do Giám đốc giao phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

b) Kế toán trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ, giúp Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ giám sát tài chính tại Quỹ theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Giám đốc và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền; thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Kế toán và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

c) Các Phòng nghiệp vụ có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ giao; gồm 04 phòng:

- Phòng Hành chính Tổng hợp;
- Phòng Kế hoạch Thẩm định;
- Phòng Tín dụng;
- Phòng Đầu tư.

Lãnh đạo các Phòng nghiệp vụ gồm có Trưởng phòng và không quá hai (02) Phó Trưởng phòng giúp việc cho Trưởng phòng;

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật lãnh đạo các Phòng nghiệp vụ do Giám đốc Quỹ quyết định theo quy định tại Điều lệ của Quỹ.

d) Số lượng lao động tối đa của Quỹ (bao gồm cả Ban Giám đốc, Kế toán trưởng) có Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Giao Hội đồng quản lý Quỹ căn cứ vào điều kiện và nhu cầu thực tế từng thời kỳ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các Phòng nghiệp vụ và tổng số lao động của Quỹ theo đề xuất của Giám đốc Quỹ nhưng không vượt quá số lượng đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1159/QĐ-UBND ngày 22/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt bộ máy của Quỹ Đầu tư phát triển và Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Thừa Thiên Huế; Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát và Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế; thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Ngọc Thọ

Phụ lục
BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH
(Kèm theo Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 10/5/2019
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chức danh	Số lao động giai đoạn 2019 - 2020	Số lao động từ năm 2021
1. Ban Giám đốc	02	02
a) Giám đốc	01	01
b) Phó Giám đốc	01	01
2. Các phòng	14	14
a) Phòng Hành chính tổng hợp	04	04
b) Phòng Kế hoạch thẩm định	04	04
c) Phòng Tín dụng	03	03
d) Phòng Đầu tư	03	03
Tổng cộng	16	16

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1162/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 13 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành danh mục sản phẩm chủ lực tỉnh Thừa Thiên Huế
giai đoạn 2019 - 2020 và giải pháp hỗ trợ phát triển sản phẩm chủ lực
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 2636/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2017 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2114/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt ban hành Quy định Bộ tiêu chí lựa chọn sản phẩm chủ lực địa phương và khung giải pháp hỗ trợ phát triển sản phẩm chủ lực trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế”;

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 206/TT-SKHCCN ngày 25 tháng 3 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục sản phẩm chủ lực tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2019 - 2020, bao gồm:

STT	Tên sản phẩm	Vùng sản xuất chủ yếu
I	Nhóm ẩm thực Huế	
1	Bún bò Huế, cơm chay, cơm hến, bún tươi, các loại bánh, các loại chè	TP Huế, TX Hương Trà, huyện Quảng Điền
2	Mè xừng	TP Huế và các địa phương
II	Nhóm thủy, hải sản vùng đầm phá	
	Các sản phẩm thủy, hải sản nuôi trồng và đánh bắt	
3	Cá vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai	Các huyện Phú Lộc, Phú Vang, Quảng Điền
4	Tôm (tôm thẻ chân trắng, tôm sú)	Các huyện Phong Điền, Quảng Điền, Phú Lộc
	Các sản phẩm thủy, hải sản chế biến	
5	Tôm chua	TP Huế, các huyện Phú Vang, Quảng Điền, Phú Lộc
6	Nước mắm, ruốc, mắm các loại	TP Huế, các huyện Phú Vang, Quảng Điền, Phú Lộc, Phong Điền

STT	Tên sản phẩm	Vùng sản xuất chủ yếu
III	Nhóm sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi	
7	Bưởi thanh trà (Thanh Trà Huế)	TP Huế, TX Hương Trà, Hương Thủy, huyện Phong Điền, Phú Lộc
8	Lúa, gạo chất lượng cao	TX Hương Thủy, Hương Trà; huyện Phú Vang, Phong Điền, Quảng Điền
9	Rau má tươi, trà rau má	Huyện Quảng Điền
10	Sen Huế	TP Huế, TX Hương Trà, Hương Thủy; các huyện Phong Điền, Phú Lộc, Quảng Điền
11	Bò, thịt bò	Các huyện A Lưới, Phong Điền, Phú Lộc
IV	Nhóm sản phẩm dược liệu	
12	Tinh dầu trầm, tinh dầu sả và các loại tinh dầu từ dược liệu	TP Huế, các huyện Phú Lộc, Phong Điền, Nam Đông, Quảng Điền
V	Nhóm sản phẩm thủ công mỹ nghệ	
13	Áo dài Huế	TP Huế và các địa phương
14	Vải Dèng	Huyện A Lưới
15	Mây tre, mộc mỹ nghệ	TP Huế, TX Hương Trà, các huyện Phú Vang, Phong Điền, Quảng Điền
16	Đúc đồng	TP Huế

Sản phẩm chủ lực nêu tại Điều này là các sản phẩm quy định tại Khoản 4 Điều 2 Quyết định số 2114/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định Bộ tiêu chí lựa chọn sản phẩm chủ lực địa phương và khung giải pháp hỗ trợ phát triển sản phẩm chủ lực trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Phê duyệt các giải pháp hỗ trợ phát triển sản phẩm chủ lực trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2019 - 2020” (Phụ lục kèm theo).

Điều 3. Các Sở, ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch, lồng ghép các nguồn kinh phí để triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp hỗ trợ phát triển các sản phẩm chủ lực gắn với chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh theo Phụ lục đính kèm.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Các tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Ngọc Thọ

PHỤ LỤC**Các giải pháp hỗ trợ phát triển sản phẩm chủ lực tỉnh Thừa Thiên Huế
giai đoạn 2019 - 2020***(Ban hành kèm theo Quyết định số 1162/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2019
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

Số TT	Tên sản phẩm	Giải pháp hỗ trợ	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I. Nhóm ẩm thực Huế - Gắn với thương hiệu “Huế - Kinh đô Ẩm thực”					
1	Bún bò Huế, com chay, com hến, bún tươi, các loại bánh, các loại chè Huế	- Xây dựng Đề án phát triển Ẩm thực Huế và Không gian Ẩm thực Huế	2019-2020	Sở Du lịch	Các sở ngành liên quan, các doanh nghiệp
		- Xây dựng thương hiệu Huế - Kinh đô ẩm thực <i>(Dự án xin hỗ trợ từ nguồn vốn của trung ương thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ/ Hoặc nguồn xã hội hóa)</i>	2019-2020	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Du lịch, các Sở, ngành liên quan
		- Xây dựng và quản lý thương hiệu các loại hình ẩm thực đặc trưng Huế (ẩm thực cung đình, ẩm thực dân gian, ẩm thực chay, ẩm thực đường phố, ẩm thực vùng đầm phá...).	2019-2020	Sở Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở ngành liên quan, các doanh nghiệp
		- Xây dựng Đề án phát triển vùng nguyên liệu phục vụ chế biến ẩm thực Huế	2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở ngành, địa phương liên quan,
		Phát triển thương mại nhãn hiệu chứng nhận bún bò Huế (hỗ trợ thực hiện dự án KHCN).	2019-2020	Hiệp Hội Du lịch tỉnh	Sở Du lịch, Sở Khoa học và Công nghệ, các doanh nghiệp
		- Xây dựng bộ nhận diện Ẩm thực Huế phù hợp với các hình thức quảng bá.	2019-2020	Sở Du lịch	Các sở, ngành liên quan
		- Hỗ trợ các loại hình ẩm thực Huế tham gia hội chợ ẩm thực trong nước và quốc tế;	2019-2020	Sở Du lịch	Sở Công Thương và các doanh nghiệp

Số TT	Tên sản phẩm	Giải pháp hỗ trợ	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
		- Hình thành các tour du lịch thưởng thức các món ăn Huế, các tour khám phá ẩm thực Huế; tour trải nghiệm nghệ thuật chế biến ẩm thực Huế...	2019-2020	Sở Du lịch	Các sở, ngành, địa phương liên quan, các doanh nghiệp
2	Kẹo mè xừng	- Hỗ trợ nghiên cứu công nghệ và chế tạo thiết bị tạo hình khuôn kẹo mè xừng;	2019-2020	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan, các doanh nghiệp
		- Hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (HACCP, ISO, GMP) trong sản xuất kẹo mè xừng;	2019-2020	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan, các doanh nghiệp
		- Hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu ra nước ngoài - thị trường Thái Lan (đã nộp đơn năm 2018)	2019	Sở Khoa học và Công nghệ	Hội Mè xừng Huế
		- Hỗ trợ đổi mới mẫu mã, kiểu dáng, bao bì sản phẩm	2019-2020	Sở Công Thương	Các sở, ngành liên quan, các doanh nghiệp
II	Nhóm thủy hải sản - gắn với thương hiệu “Hải sản đầm phá Tam Giang - Cầu Hai”				
3	Cá vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai	- Hỗ trợ dự án Xây dựng và quản lý NHCN “Hải sản vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai”	2019-2020	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương liên quan, các DN
		- Kêu gọi đầu tư phát triển các trung tâm nhân giống hải sản (đang thực hiện nghiên cứu quy trình nhân giống cá nâu, cá ong bầu)	2019-2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở, ngành liên quan, các DN
		- Rà soát, quy hoạch phát triển vùng nuôi trồng thủy hải sản trên đầm phá Tam Giang - Cầu Hai	2019-2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài nguyên và Môi trường, địa phương liên quan
		- Xây dựng Đề án hỗ trợ phát triển nghề nuôi cá lồng ở các huyện Phú Lộc, Phú Vang, Quảng Điền	2019-2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, các địa phương liên quan
		- Hỗ trợ thực hiện các dự án KHCN liên quan đến nhân giống, phòng trợ bệnh, chuyên giao công nghệ phát triển nuôi trồng thủy sản vùng đầm phá	2019-2020	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, các địa phương liên quan

Số TT	Tên sản phẩm	Giải pháp hỗ trợ	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
4	Tôm (tôm thẻ chân trắng, tôm sú)	- Hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (GMP, HACCP, ISO...) vào quy trình nuôi tôm.	2019-2020	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và PTNT; các sở, ngành liên quan; các doanh nghiệp
		- Hỗ trợ nhân rộng mô hình nuôi tôm chân trắng theo quy trình công nghệ cao cho nông hộ, hợp tác xã và doanh nghiệp...	2019-2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, địa phương liên quan, các doanh nghiệp
Các sản phẩm thủy, hải sản chế biến					
5	Tôm chua	- Khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở đổi mới công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất để chuyên từ sản phẩm thủ công sang sản xuất công nghiệp	2019-2020	Sở Công Thương	Các sở, ngành, doanh nghiệp liên quan,
		- Hỗ trợ cải tiến mẫu mã bao bì sản phẩm để nâng cao khả năng thương mại hóa sản phẩm	2019-2020	Sở Công Thương	Các sở, ngành liên quan, các doanh nghiệp
		- Hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (GMP, HACCP, ISO,...) vào quy trình sản xuất và chế biến.	2019-2020	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và PTNT; các sở, ngành liên quan; các doanh nghiệp
6	Nước mắm, ruốc, mắm các loại	- Hỗ trợ các làng nghề đổi mới công nghệ chế biến	2019-2020	Sở Công Thương	Các địa phương liên quan
		- Hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (GMP, HACCP, ISO,...) vào quy trình sản xuất và chế biến	2019-2020	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và PTNT; các sở, ngành liên quan; các doanh nghiệp
		- Xây dựng hạ tầng cụm TTCN làng nghề, trong đó có khu phục vụ chế biến thủy hải sản ở các huyện (theo đề án phát triển công nghiệp nông thôn)	2019-2020	Sở Công Thương	UBND huyện Phú Vang, Phú Lộc, Quảng Điền
		- Hỗ trợ quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể đã được bảo hộ.	2019-2020	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan; các làng nghề.

Số TT	Tên sản phẩm	Giải pháp hỗ trợ	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
III	Nhóm sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi				
7	Bưởi thanh trà (Thanh trà Huế)	- Lập đề án phát triển vùng bưởi thanh trà toàn tỉnh.	2019	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, các địa phương liên quan
		- Hỗ trợ thực hiện dự án xây dựng và quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý Huế cho sản phẩm bưởi thanh trà	2019-2020	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và PTNT, các địa phương liên quan
		- Phát triển vùng nguyên liệu đạt chuẩn VietGap gắn với thương hiệu CDĐL Thanh trà Huế (dự án ODA tại Hương Vân và các dự án của địa phương)	2019-2020	UBND các địa phương liên quan	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Khoa học và Công nghệ; HTX NN Hương Vân, BQL Dự án Trường Sơn Xanh
		- Hỗ trợ nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật trong khâu chọn giống nhằm tăng nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.	2019 -2020	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và PTNT, các địa phương liên quan
		- Hỗ trợ tổ chức các phiên chợ thanh trà Huế / Lễ hội thanh trà Huế/ Hội thi trái ngon thanh trà Huế	2019 -2020	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở, ngành và các địa phương liên quan
8	Lúa, gạo chất lượng cao	- Lập đề án phát triển vùng sản xuất lúa chất lượng cao tập trung ở các huyện, thị xã trọng điểm lúa (Huyện Phú Vang, Phong Điền, Quảng Điền và thị xã Hương Thủy, Hương Trà).	2019-2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, các địa phương liên quan
		- Xây dựng và triển khai các mô hình sản xuất lúa hữu cơ/ hoặc mô hình sản xuất lúa đạt chuẩn VietGap tại địa bàn phù hợp	2019-2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, các địa phương, DN, HTX
		- Kêu gọi đầu tư nhà máy xay xát gạo đạt tiêu chuẩn sản phẩm xuất khẩu.	2019-2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành và địa phương liên quan

Số TT	Tên sản phẩm	Giải pháp hỗ trợ	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
9	Rau má tươi, trà rau má	- Hỗ trợ đổi mới mẫu mã, bao bì, đa dạng hóa sản phẩm từ rau má.	2019-2020	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ, các doanh nghiệp
		Hỗ trợ nghiên cứu công nghệ sản xuất trà rau má dạng bột và trà rau má đóng chai.	2020	Sở Khoa học và Công nghệ	HTX NN Quảng Thọ, Sở Công Thương;
		- Hỗ trợ nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ nhân giống cây rau má tại huyện Quảng Điền	2017-2019	Sở Khoa học và Công nghệ	Viện Công nghệ Sinh học, Sở NN và PTNT, UBND huyện Quảng Điền, các HTX
		- Hỗ trợ áp dụng mở rộng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap	2019-2020	Sở Nông nghiệp & PTNT	UBND huyện Quảng Điền, các doanh nghiệp, HTX
10	Sen Huế	- Hỗ trợ thực hiện dự án “Nghiên cứu bảo tồn nguồn gen gốc của Sen Huế” (Dự án KHCN đang thực hiện)	2017-2019	Sở Khoa học và Công nghệ	Đại học Huế, các địa phương liên quan
		- Hỗ trợ nghiên cứu xác định nguyên nhân gây chết cây sen lấy hạt tại tỉnh Thừa Thiên Huế và biện pháp phòng trừ	2019-2020	Sở Khoa học và Công nghệ	Viện Công nghệ Sinh học, Sở NN và PTNT
		- Xây dựng đề án phát triển vùng nguyên liệu Sen Huế	2019-2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các địa phương liên quan
		- Hỗ trợ thực hiện đề tài “Nghiên cứu quy trình tăng thâm canh cho Sen Huế”	2019-2020	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và PTNT, các doanh nghiệp
		- Hỗ trợ thực hiện dự án “Tạo lập, quản lý và phát triển NHTT Sen Huế” (Hội Nông dân tỉnh đang xây dựng thuyết minh nhiệm vụ)	2019-2020	Sở Khoa học và Công nghệ	Hội Nông dân tỉnh, các địa phương liên quan, các doanh nghiệp

Số TT	Tên sản phẩm	Giải pháp hỗ trợ	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
		- Kêu gọi đầu tư trung tâm cung ứng giống Sen Huế	2019-2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các doanh nghiệp; các Trung tâm, doanh nghiệp KHCN của Đại học Huế
11	Bò, thịt bò	- Nâng cấp, xây dựng mới các cơ sở giết mổ tập trung;	2019-2020	UBND huyện Phong Điền, huyện A Lưới	Các sở, ngành, các địa phương liên quan
		- Đề xuất áp dụng một số chính sách hỗ trợ phát triển đàn bò theo mô hình nông hộ	2019-2020	UBND các huyện Phong Điền, A Lưới, Phú Lộc	Các sở, ngành, các địa phương liên quan
		- Đầu tư xây dựng mới các nhà máy chế biến có quy mô phù hợp.	2019-2020	UBND huyện Phong Điền, A Lưới	Các sở, ngành, các địa phương liên quan
		- Xây dựng thương hiệu cho sản phẩm thịt bò vàng A Lưới.	2019-2020	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND huyện A Lưới; các doanh nghiệp
IV	Nhóm sản phẩm dược liệu				
12	Tinh dầu trầm, tinh dầu sả và các loại tinh dầu từ dược liệu.	- Hỗ trợ ứng dụng tiến bộ KHCN để cải tiến hệ thống chưng cất nhằm nâng cao hiệu quả trong chiết xuất tinh dầu trầm và các loại tinh dầu khác	2018-2020	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, các địa phương liên quan, các doanh nghiệp
		- Thực hiện dự án xây dựng và phát triển chỉ dẫn địa lý Huế cho sản phẩm dầu trầm Huế (dự án hỗ trợ của Trung ương)	2019-2020	Sở Khoa học và Công nghệ	Các địa phương liên quan, các DN
		- Xây dựng vùng nguyên liệu trầm gió thiên nhiên gắn với chỉ dẫn địa lý dầu trầm Huế tại Phong Điền (Dự án ODA)	2019-2020	Công ty TNHH 1TV Tinh dầu Hoa Nén	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Khoa học và Công nghệ; BQL DA Trường Sơn Xanh.
		- Lập đề án phát triển vùng nguyên liệu cây trầm gió tại các huyện	2019-2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện Phú Lộc, Phong Điền
		- Đầu tư cải thiện khả năng thương mại hóa các sản phẩm dầu trầm	2019-2020	Các doanh nghiệp	Sở Công Thương

Số TT	Tên sản phẩm	Giải pháp hỗ trợ	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
IV	Nhóm sản phẩm thủ công mỹ nghệ				
13	Áo dài Huế	- Kêu gọi đầu tư điểm trình diễn áo dài Huế gắn với trải nghiệm nghề may áo dài Huế/ Trung tâm dịch vụ SXKD Áo dài Huế đạt chuẩn, có tính chuyên nghiệp cao.		Sở Kế hoạch và Đầu tư/ UBND TP Huế	Các sở, ngành liên quan, các DN, các nhà đầu tư tiềm năng
		- Thành lập Hội nghề sản xuất kinh doanh áo dài Huế	2019 - 2020	UBND TP Huế	Sở Nội vụ; các DN, cơ sở may đo áo dài Huế trên địa bàn tỉnh
		- Hỗ trợ thực hiện dự án Xây dựng, quản lý và phát triển NHTT Áo dài Huế	2019 - 2020	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND TP Huế, các DN
14	Vải Dèng	- Hỗ trợ thực hiện dự án Xây dựng, quản lý và phát triển NHTT vải Dèng A Lưới (đang thực hiện - dự kiến công bố Văn bằng bảo hộ NHTT vào tháng 5/2019)	2018-2019	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND huyện A Lưới, các DN
		- Hỗ trợ quảng bá phát triển thương hiệu, nâng cao khả năng thương mại hóa sản phẩm vải Dèng A Lưới	2019-2020	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương, UBND huyện A Lưới, các DN, HTX
		- Hỗ trợ phát triển sản phẩm vải Dèng làm quà tặng lưu niệm phục vụ du lịch	2019-2020	UBND huyện A Lưới	Sở Công Thương, Sở Du lịch, các DN
15	Mây tre, mộc mỹ nghệ	Hỗ trợ phát triển sản phẩm quà tặng lưu niệm phục vụ du lịch	2019-2020	Sở Công Thương	Sở Du lịch, các DN
		Hỗ trợ xây dựng, quảng bá NHTT của một số làng nghề mộc mỹ nghệ	2020	Sở Khoa học và Công nghệ	Các địa phương liên quan; các Sở Du lịch, Công Thương
		Hỗ trợ quản lý và phát triển NHTT Mây tre Bao La	2019-2020	Sở Khoa học và Công nghệ,	Sở Du lịch, Sở Công Thương; HTX mây tre Bao La

Số TT	Tên sản phẩm	Giải pháp hỗ trợ	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
16	Đúc đồng	- Lập đề án nghiên cứu giải pháp đầu tư khôi phục và phát huy hoạt động của Trung tâm trưng bày giới thiệu sản phẩm làng nghề đúc đồng truyền thống Huế	2019-2020	UBND Tp Huế	Sở Công Thương, Sở Du lịch, các DN
		- Hỗ trợ phát triển sản phẩm quà tặng lưu niệm phục vụ du lịch từ sản phẩm đúc đồng	2019-2020	Sở Công Thương	Các doanh nghiệp

Ngoài các giải pháp cụ thể nêu trên, trong quá trình thực hiện chức năng và nhiệm vụ được giao, các ngành các địa phương cần ưu tiên lồng ghép nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ trong khung giải pháp hỗ trợ các sản phẩm chủ lực được quy định tại Quyết định số 2114/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định Bộ tiêu chí lựa chọn sản phẩm chủ lực địa phương và khung giải pháp hỗ trợ phát triển sản phẩm chủ lực trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; tập trung hỗ trợ tối đa cho các tổ chức doanh nghiệp, hợp tác xã, các cơ sở sản xuất kinh doanh các sản phẩm chủ lực địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện) phát triển./.

UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1197/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 16 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định mức lãi suất cho vay tối thiểu của
Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thành lập Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thành lập Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế;

Xét đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế tại Tờ trình số 02/TTr-HĐQL-QĐTPT ngày 06 tháng 3 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế là 6%/năm.

Mức lãi suất trên áp dụng đối với các khoản vay tại Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 2. Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định mức lãi suất cho vay đối với từng dự án cụ thể nhưng không được thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu quy định tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1740/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ Đầu tư phát triển và Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên Huế, Chủ tịch Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Ngọc Thọ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1198/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 16 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định khung lãi suất cho vay của
Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thành lập Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thành lập Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế;

Xét đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế tại Tờ trình số 02/TTr-HĐQL-QĐTPT ngày 06 tháng 3 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định khung lãi suất cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế như sau:

- Lãi suất cho vay tối thiểu (LSTT): Theo quy định của UBND tỉnh;
- Lãi suất cho vay tối đa: LSTT + 2%/năm;
- Biên độ giao động giữa các yếu tố khác biệt là 0,5%/năm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc quy định khung lãi suất cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển và Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên Huế, Chủ tịch Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Ngọc Thọ

VĂN PHÒNG UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ XUẤT BẢN

Địa chỉ: 16 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Điện thoại liên hệ: 0234.3834537; Fax: 0234.3834537

Email: congbao@thuathienhue.gov.vn;

Website: <http://congbao.thuathienhue.gov.vn>;

In tại: Công ty CP In và Dịch vụ giáo dục Huế.